

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số:20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

(Q- T)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Đức Lợi

2. Bà Phùng Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-ST ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Minh Q** – sinh năm 1987

HKTT: Thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình

Hiện đang lao động tại Đài Loan: đường C, quận H, thành phố V1, Đài Loan

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc nuôi con: Ông Phạm Văn B – sinh năm 1954, trú tại Thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị T** – sinh năm 1993

HKTT: Thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình

Hiện đang lao động tại Đài Loan: Số XYZ đường U – Thành phố Đ – Đài Loan

(Anh Q, chị T, ông B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại tòa án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2018 và tại bản tự khai, nguyên đơn anh Phạm Minh Q trình bày:*

Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/7/2012. Quá trình sinh sống của hai vợ chồng không được hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn bắt đầu xảy ra từ khi hai vợ chồng lao động và sinh sống tại nước ngoài, do tính chất công việc nên vợ chồng không thường xuyên gặp nhau và nảy sinh nhiều nghi ngờ. Đã nhiều lần hai vợ chồng nói chuyện với nhau nhưng không giải quyết được vấn đề. Nay anh Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị T.

Về con chung: Anh Q và chị T có với nhau 01 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 25/02/2013. Ly hôn anh Q có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do anh Q sang Đài Loan để lao động nên anh ủy quyền cho bố đẻ anh là ông Phạm Văn B – sinh năm 1954; hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình thay anh nuôi con trong thời gian anh đi lao động tại Đài Loan cho đến khi anh có thể về Việt Nam để trực tiếp nuôi con (Giấy ủy quyền đề ngày 04/4/2018).

Về tài sản chung: Anh Q trình bày hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do anh Q đang làm việc tại Đài Loan, không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, anh Q có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

** Tại bản tự khai đề ngày 19/4/2018, bị đơn – chị Phạm Thị T trình bày:* Chị thống nhất với anh Q về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung như anh Q trình bày. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2012 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng lao động tại Đài Loan, công việc khiến hai vợ chồng không được ở cạnh nhau, không gặp nhau thường xuyên nên hai vợ chồng xảy ra xích mích, cãi cọ, nghi ngờ sự chung thủy của nhau dẫn đến tình cảm sút mẻ. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có với nhau 01 con chung là Phạm Minh T1, sinh ngày 25/02/2013, hiện tại cháu đang sống cùng ông bà nội. Ly hôn chị nhường quyền nuôi con cho anh Q và góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do điều kiện địa lý và công việc bận mải chị T không thể trở về Việt Nam để trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt tại tòa án.

**Tại bản tự khai đề ngày 25/5/2018 của ông Phạm Văn B - sinh năm 1954; hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình là người đại diện theo ủy quyền của anh Q về việc nuôi con trình bày: Ông chấp nhận sự ủy quyền của anh Q cho ông về việc nuôi con thay anh Q trong thời gian anh đang đi lao động tại Đài Loan. Ông đề nghị tòa án xét xử vắng mặt ông tại phiên tòa.*

Tại phiên tòa sơ thẩm do anh Q, chị T, ông B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 238 Bộ Luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, hiện cả hai đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, vì vậy là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Q, chị T, ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các đương sự đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Các văn bản trình bày của chị T gửi về cho Tòa án theo đúng quy định tại Điều 478 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q, chị T, ông B.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Minh Q và chị Hoàng Thị T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 30/7/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng lao động tại Đài Loan, công việc khiến hai vợ chồng không được ở cạnh nhau, không gặp nhau thường xuyên nên hai vợ chồng xảy ra xích mích, cãi cọ, nghi ngờ sự chung thủy của nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, không thể đoàn tụ được, hai vợ chồng đều thống nhất ly hôn. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh Q và chị T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về quan hệ con chung*: Anh Q và chị T có 01 con chung là cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 25/02/2013. Ly hôn anh chị thống nhất giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng, chị T góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do điều kiện anh Q phải sang Đài Loan lao động, anh ủy quyền cho bố đẻ anh là ông Phạm Văn B - sinh năm 1954; hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình thay anh nuôi con trong thời gian anh đang đi lao động tại Đài Loan. Xét đề nghị của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị T góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q mỗi tháng 1.000.000 đồng. Chấp nhận sự ủy quyền của anh Q cho ông Phạm Văn B về việc thay anh nuôi con trong thời gian anh đi lao động tại Đài Loan, cho đến khi anh Q trở về Việt Nam trực tiếp nuôi con.

[6] *Về quan hệ tài sản*: Anh Q, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

[7] *Về án phí*: Anh Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, chị T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

[8] *Về quyền kháng cáo*: Anh Q, chị T, ông B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Minh Q và chị Hoàng Thị T

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Minh T1, sinh ngày 25/02/2013 cho anh Phạm Minh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị T góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2018.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, có quyền xin thay đổi quyền nuôi con chung; đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Chấp nhận việc ủy quyền của anh Q cho ông Phạm Văn B - sinh năm 1954; hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình được thay anh Q trực tiếp nuôi cháu T1 trong thời gian anh Q lao động tại Đài Loan cho đến khi anh Q về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu.

3. Về phần tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Minh Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Q đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình tại biên lai thu số 0008773 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Q, chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND xã M, h. V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Đỗ Mạnh Tăng